**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021**

**Môn GDCD - lớp 6**

**I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1.Về kiến thức**: Kiểm tra nội dung kiến thức của học sinh đã học trong chương trình GDCD 6 giữa học kỳ I.

**2.Về kỹ năng**: HS vận dụng được kiến thức đã học để làm bài kiểm tra.

**3.Về thái độ**: Làm tốt bài kiểm tra trong thời gian quy định.

**4.** **Định hướng phát triển năng lực học sinh:**

- Năng lực xử lý các tình huống gặp phải trong cuộc sống.

- Năng lực xác định các giá trị sống đúng đắn và vận dụng vào thực tiễn.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng thấp** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **Nội dung** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TL** |
| **Bài 1: Tự chăm sóc, rèn luyện thân thể** | - Biết được việc làm thể hiện tự chăm sóc, rèn luyện thân thể và tốt cho sức khỏe. | - Hiểu, lựa chọn việc làm về chăm sóc, rèn luyện thân thể. |  |  |  |
| Số câuSố điểmTỉ lệ | *2**0,66* *6,66%* |  | *1* *0,33* *3,33%* |  |  |  |  | *3**1,0**10%* |
| **Bài 2: Siêng năng, kiên trì** | - Biết việc làm thể hiện siêng năng, kiên trì. | - Hiểu được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.- Hiểu và áp dụng phẩm chất siêng năng kiên, trì vào học tập. | - Vận dụng kiến thức lựa chọn Tình huống về siêng năng, kiên trì/ trái lại với siêng năng kiên trì. |  |  |
| Số câuSố điểmTỉ lệ | *1* *0,33* *3,33%* |  | *2**0,66* *6,66%* |  | *1* *0,33* *3,33%* |  |  | *4**1,33**13,3%* |
| **Bài 3:** **Tiết kiệm** | - Biết hành động thể hiện tiết kiệm.- Biết hành vi trái lại với tiết kiệm. | - Hiểu được ý nghĩa của tiết kiệm. | - Vận dụng kiến thức lựa chọn Tình huống về tiết kiệm/ trái lại với tiết kiệm.- Tình huống: Học sinh xử lý tình huống. | - Tình huống: Giải thích vì sao. |  |
| Số câuSố điểmTỉ lệ | *2**0,66* *6,66%* |  | *1* *0,33* *3,33%* |  | *1* *0,33* *3,33%* | *1 /2**1,0**10%* | *1 /2**1,0**10%* | *5**3,33**33,3%* |
| **Chủ đề: Lễ độ - Lịch sự. Tế nhị** | - Biết việc làm thể hiện lễ độ trong gia đình. | - Hiểu được ý nghĩa của lễ độ và lịch sự, tế nhị. | - Vận dụng kiến thức lựa chọn cách Ứng xử phù hợp trước hành vi đi ngược lại với lễ độ. |  |  |
| Số câuSố điểmTỉ lệ | *1* *0,33* *3,33%* |  | *2**0,66* *6,66%* |  | *1* *0,33* *3,33%* |  |  | *4**1,33**13,3%* |
| **Bài 5: Tôn trọng kỉ luật** | - Biết được thế nào là tôn trọng kỉ luật.- Biểu hiện/ Cho ví dụ về việc tôn trọng kỉ luật trong nhà trường.  | - Nắm được ý nghĩa của tôn trọng kỉ luật. |  |  |  |
| Số câuSố điểmTỉ lệ |  | *2/3**2,0**20%* |  | *1/3**1,0**10%* |  |  |  | *1**3,0**30%* |
| **Tổng số câu** | ***6*** | ***2/3*** | ***6*** | ***1/3*** | ***3*** | ***1/2*** | ***1/2*** | ***17*** |
| **Tổng điểm** | ***4,0***  | ***3,0***  | ***2,0***  | ***1,0***  | ***10,0*** |
| **Tỉ lệ** | ***40%*** | ***30 %*** | ***20%*** | ***10%*** | ***100%*** |